

Bản án số: 998/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lý

2. Bà Phạm Thị Bích Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyền- Cán bộ Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên

Ngày 28/7/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 340/2017/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2017, về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 902/2017/QĐXX-ST ngày 20 tháng 6 năm 2017 và Quyết định số 1424/2017/QĐST-HNGĐ; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Bùi Thụy Anh Th- sinh năm: 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà A Đường số 2, Phường X, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* ông Hoàng H- sinh năm: 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà A Đường số 2, Phường X, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 02 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, bà Nguyễn Bùi Thụy Anh Th trình bày: Bà Th và ông Hoàng H chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số Y, quyền số 01/2010 ngày 05/11/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường 3, quận Gò Vấp,

Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống vợ, chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể tiếp tục chung sống. Nguyên nhân mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông H không quan tâm đến gia đình, vợ- con. Từ tháng 7/2016 đến nay phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đến tháng 7/2016 bà Th và ông H đã sống ly thân. Hiện bà Th và con đang sống chung với gia đình bố mẹ của bà Th tại địa chỉ Số nhà A Đường số 2, Phường X, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, ông H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại đây và vẫn lui tới thăm con. Nay bà Th xác định tình cảm vợ chồng với ông H không còn nên yêu cầu tòa án giải quyết cho bà Th ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Hoàng Gia B, sinh ngày 01/02/2012. Sau ly hôn, bà Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung vì ông H không quan tâm chăm sóc con, thường xuyên vắng nhà.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/ tháng, thực hiện vào ngày 10 hàng tháng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Theo kết quả trả lời xác minh ngày 26/6/2017 của Ban chỉ huy công an Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: “*Ông Hoàng H sinh năm 1985, ngụ tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà A Đường số 2, Phường X, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh*”. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa (Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải và giấy triệu tập đương sự) cho ông Hoàng H theo thủ tục niêm yết công khai tại địa chỉ trên nhưng ông H không đến Tòa và cũng không có văn bản trình bày ý kiến trước các yêu cầu của bà Th.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bà Th giữ nguyên yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với ông Hoàng H để ổn định cuộc sống, được trực tiếp nuôi con và ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hoàng H đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập của Tòa án tham gia phiên tòa nhưng ông H vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến trước các yêu cầu của bà Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm xác định: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên tòa đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền- nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Th và ông H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số Y, quyền số 01/2010 cấp ngày 05/11/2010. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hiện bà Th không còn tình cảm với ông H nên bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn để ổn định cuộc sống. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, ông H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hoàng Gia B sinh ngày 01/02/2012, bà Th yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp vì cháu B còn nhỏ, bị bệnh bẩm sinh, cần có sự chăm sóc của mẹ. Bà Th yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 3 triệu đồng/ tháng.

Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí và lệ phí đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] *Về thẩm quyền giải quyết*: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “ly hôn”, do bị đơn hiện cư trú tại quận Gò Vấp, căn cứ quy định Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về sự có mặt của đương sự*: Ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2 nhưng ông H vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt ông H.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 265/2010, quyền số Y ngày do Ủy ban nhân dân Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/11/2010 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông H là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa;

Theo kết quả trả lời xác minh ngày 20/6/2017 của Hội liên hiệp phụ nữ Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung thể hiện bà Th và ông H đã có mâu thuẫn trầm trọng, từ cuối năm 2015 đến nay ông H và bà Th không sống chung. Hiện nay, bà Th đang nuôi con bị bệnh, chậm phát triển.

Xét, thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông H đã có những bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng làm tổn thương đến tình cảm vợ chồng. Trên thực tế, đời sống hôn nhân không còn gắn bó, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không mang lại hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của bà Th là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Căn cứ vào giấy khai sinh số Z quyền số 01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/02/2012 có đủ cơ sở xác định bà Th và ông H có con chung tên Hoàng Gia B sinh ngày 01/02/2012. Xét, bà Th có yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung vì cháu Hoàng Gia B còn nhỏ, chậm phát triển cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử

nghĩ nên giao con cho bà Th trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Căn cứ Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”, bà Th có yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, cho đến khi con đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Th là có căn cứ chấp nhận.

[6] *Về tài sản chung*: Bà Th xác định tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung; do vậy, căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung trong vụ án này. Các đương sự được quyền khởi kiện về tài sản chung trong vụ án khác khi có yêu cầu.

[7]. *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Luật phí và lệ phí và Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án thì bà Th phải chịu án phí sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân- gia đình và ông H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 5, Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39, điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 và 85 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Bùi Thụy Anh Th

Bà Nguyễn Bùi Thụy Anh Th được ly hôn với ông Hoàng H

2. *Về con chung*: Giao con chung tên Hoàng Gia B, sinh ngày 01/02/2012 cho bà Nguyễn Bùi Thụy Anh Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông H được quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con 3.000.000 đồng/tháng; thực hiện vào ngày 10 hàng tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, bắt đầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nói trên thì hàng tháng ông H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

4. *Tài sản chung*: Không giải quyết trong vụ kiện này.

5. *Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân- gia đình*: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Bùi Thụy Anh Th phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0018047 ngày 16/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Th đã nộp đủ.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng ông Hoàng H phải nộp tại cơ quan có thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. *Quyền và thời hạn kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Giấy chứng nhận kết hôn số số Y, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/11/2010 không còn giá trị pháp lý).

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp
- UBND Phường 3, quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Phượng